

TRƯỜNG THPT TÂN BÌNH
NĂM HỌC 2021 - 2022

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 11B11
KHỐI A0 (TOÁN - LÝ - HÓA)

STT	LỚP MỚI	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN	ĐTB	HL	HK	TLH	LỚP CŨ
01	11B11	B11-01	Đỗ Phương Anh	8.70	Giỏi	Tốt	24	C08-02
02	11B11	B11-02	Đỗ Vũ Minh Ánh	8.60	Giỏi	Tốt	24.7	C03-07
03	11B11	B11-03	Nguyễn Phương Bình	8.90	Giỏi	Tốt	24.5	C08-07
04	11B11	B11-04	Trần Đại Thanh Bình	8.00	Giỏi	Tốt	24.2	C15-04
05	11B11	B11-05	Vũ Hoàng An Bình	8.30	Khá	Tốt	24.1	C15-05
06	11B11	B11-06	Phạm Ngọc Bảo Châu	8.80	Giỏi	Tốt	24	C13-03
07	11B11	B11-07	Đào Văn Công	8.60	Giỏi	Tốt	23.6	C04-08
08	11B11	B11-08	Mai Nguyễn Ngọc Diễm	8.50	Giỏi	Tốt	23.4	C07-05
09	11B11	B11-09	Phạm Nguyễn Quốc Đạt	8.20	Khá	Tốt	23.8	C06-09
10	11B11	B11-10	Huỳnh Trọng Đến	8.20	Khá	Tốt	24.4	C15-08
11	11B11	B11-11	Lê Xuân Hóa	7.60	Khá	Tốt	23.1	C10-16
12	11B11	B11-12	Nguyễn Huy Hoàng	8.30	Khá	Tốt	24.5	C12-11
13	11B11	B11-13	Nguyễn Phúc Hoàng	7.80	Khá	Tốt	24.1	C03-15
14	11B11	B11-14	Phan Gia Huy	8.40	Giỏi	Tốt	24.6	C03-18
15	11B11	B11-15	Hồ Gia Huy	8.20	Giỏi	Tốt	24.5	C07-12
16	11B11	B11-16	Lương Thị Như Huỳnh	8.50	Giỏi	Tốt	23.9	C12-17
17	11B11	B11-17	Trần Quang Khải	8.00	Khá	Tốt	24.8	C01-11
18	11B11	B11-18	Dương Cao Minh	8.30	Khá	Tốt	23.9	C15-16
19	11B11	B11-19	Nguyễn Ngọc Minh	8.30	Khá	Tốt	22.9	C04-22
20	11B11	B11-20	Hoàng Bảo Nghi	7.90	Khá	Tốt	23.9	C03-25
21	11B11	B11-21	Lê Nguyễn Hoàng Nguyên	8.40	Giỏi	Tốt	23.7	C11-19
22	11B11	B11-22	Phạm Khôi Nguyên	8.10	Giỏi	Tốt	22.9	C12-25
23	11B11	B11-23	Châu Huệ Nhi	8.70	Giỏi	Tốt	24.5	C05-25
24	11B11	B11-24	Vũ Hoàng Yến Nhi	8.20	Giỏi	Tốt	24.5	C15-20
25	11B11	B11-25	Ân Trường Nhi	8.30	Khá	Tốt	23	C02-28
26	11B11	B11-26	La Tấn Phát	8.00	Khá	Tốt	24.2	C09-26
27	11B11	B11-27	Nguyễn Trần Thăng Quang	8.40	Giỏi	Tốt	23.2	C13-27
28	11B11	B11-28	Phan Đồng Minh Quân	8.20	Giỏi	Tốt	23	C04-31
29	11B11	B11-29	Trần Kim Quỳnh	8.50	Giỏi	Tốt	24.2	C14-28
30	11B11	B11-30	Nguyễn Thành Tài	8.30	Khá	Tốt	24.1	C05-33
31	11B11	B11-31	Nguyễn Trung Thắng	7.90	Khá	Tốt	24.6	C12-33
32	11B11	B11-32	Nguyễn Thông	8.30	Giỏi	Tốt	24.6	C02-36
33	11B11	B11-33	Vũ Thụy Minh Thư	8.30	Giỏi	Tốt	24.8	C07-35
34	11B11	B11-34	Nguyễn Hoàng Minh Thư	8.20	Giỏi	Tốt	23.8	C13-33
35	11B11	B11-35	Nguyễn Phương Thùy	8.20	Giỏi	Tốt	23.6	C01-37
36	11B11	B11-36	Trần Lê Bích Trâm	8.10	Khá	Tốt	24.2	C06-36
37	11B11	B11-37	Khổng Nguyễn Minh Trâm	8.30	Khá	Tốt	23.3	C11-36
38	11B11	B11-38	Lê Phạm Bảo Trân	8.60	Giỏi	Tốt	23.1	C03-43
39	11B11	B11-39	Đỗ Minh Trí	8.40	Giỏi	Tốt	22.9	C08-38
40	11B11	B11-40	Trần Anh Tuấn	8.40	Giỏi	Tốt	24.6	C02-42
41	11B11	B11-41	Nguyễn Châu Nhật Tường	8.30	Khá	Tốt	24.3	C08-40
42	11B11	B11-42	Nguyễn Mai Giáng Tuyết	8.40	Khá	Tốt	23.3	C08-41
43	11B11	B11-43	Vũ Thị Thùy Vân	8.50	Giỏi	Tốt	24.5	C01-43
44	11B11	B11-44	Hồ Thị Thúy Vi	8.80	Giỏi	Tốt	23.7	C11-42
45	11B11	B11-45	Lương Phong Vũ	8.30	Giỏi	Tốt	22.8	C10-40
46	11B11	B11-46	Nguyễn Dương Thiên Ý	8.20	Khá	Tốt	23.7	C04-45